

Bản án số: 14/2026/DS-PT

Ngày: 11/02/2026

V/v “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Tạ Duy Ước**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Trí Chinh**

ông **Dương Mạnh Chiến**

- Thư ký phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Hoa Lê** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: bà **Hoàng Thị Kim Oanh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2025/TLPT-DS ngày 01/12/2025 về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 11/9/2025 của TAND khu vực 6 - Quảng Ninh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2025/QĐ-PT ngày 16/12/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 120 /2025/QĐ-PT ngày 31/12/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 12 /2026/QĐ-PT ngày 22/01/2026 giữa các đương sự:

I. Nguyên đơn: bà **Ngô Minh T**; sinh năm: 1970; nơi thường trú: số E N, phường H, thành phố Hà Nội; nơi ở hiện tại: số G, hẻm B ngõ F, N, phường B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: chị **Hoàng Thị D**, sinh năm: 1986 - Luật sư, thuộc Văn phòng L4, Đoàn luật sư thành phố H, địa chỉ: P L, phường Y, thành phố Hà Nội. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông **Hoàng Văn H**- Luật sư Văn phòng L4- Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: P, N3b L, phường Y, thành phố Hà Nội . Vắng mặt

+ Ông **Phạm Danh T1**- Luật sư văn phòng L5 - Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: số D, L, phường C, thành phố Hà Nội. Có mặt

+ Bà **Nguyễn Thị Khánh L**- Luật sư văn phòng L5 - Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: số D, L, phường C, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Anh **Nguyễn Tiến P**, sinh năm: 1993; nơi thường trú: nay là số E T, phường M, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: số E, đường T, phường M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông **Vũ Văn N**, sinh năm: 1978 - Luật sư, thuộc Công ty L6 - Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: số F B khu đô thị V, phường H, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

+ Anh **Phạm Đình T2**, sinh năm: 1992 - Luật sư, thuộc Công ty L6 - Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: số E, phố V, phường P, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

2.2. Anh **Nguyễn Tiến Đ**, sinh năm: 1996; nơi thường trú: số E T, khu D, phường M, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: số E, đường T, phường M, tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ nhận văn bản tố tụng: số C ngách B đường H, phường L, Hà Nội. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền: chị **Nguyễn Ngân H1**, sinh năm: 1986; nơi cư trú: thôn D, phường N, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông **Nguyễn Hồng H2**- Luật sư Công ty L6 - Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: phòng C, N, ngõ A, đường H, phường N, thành phố Hà Nội. Có mặt.

+ Ông **Lê Đức T3**, sinh năm: 1965 - Luật sư, thuộc Văn phòng L7; địa chỉ: tầng C, số H T, phường C, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

+ Anh **Chu Văn T4**, sinh năm: 1997 - Luật sư, thuộc Văn phòng L7; địa chỉ: tầng C, số H T, phường C, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

2.3 Chị **Nguyễn Thị Phương T5**, sinh năm 1991; nơi thường trú: số E T, phường M, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: G, SH3-19 N, phường H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

2.4 Chị **Nguyễn Thị Phương T6**, sinh năm 1995; nơi thường trú: số E T, phường M, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: số E, đường T, phường M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: anh **Phạm Đình T2**, sinh năm: 1992 - Luật sư, thuộc Công ty L6 - Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: số E, phố V, phường P, thành phố Hà Nội. Vắng mặt không có lý do.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chị **Nguyễn Thị Minh A** và chị **Nguyễn Thị Tú A1**, đều sinh năm: 1996; đều có nơi thường trú: số E N, phường H, thành phố Hà Nội; đều có nơi ở hiện tại: số G, hẻm B, ngõ F, N, quận L, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền cho chị Minh A và Tú A1: chị **Hoàng Thị D**, sinh năm: 1986, nơi thường trú: P202 N3b L, phường Y, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3.2 Bà **Nguyễn Thị H3**, sinh năm 1971; nơi cư trú: số nhà C, ngõ A Y, tổ C, khu A, phường M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

3.3 Chị **Vũ Thị N1**, sinh năm: 1981; nơi cư trú: khu H, phường M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

3.4. Chị **Lê Thị H4**, sinh năm: 1988; nơi cư trú: khu H, phường M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

3.5 Chị **Ngô Thị C**, sinh năm: 1990; nơi cư trú: khu H, phường M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

3.6 B2; địa chỉ: khu H, phường H, thành phố M; Vắng mặt.

3.7 **Công ty Cổ phần N4**; địa chỉ: khu H, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt.

3.8 Chị **Vũ Thùy D1**, sinh năm: 1990; địa chỉ: khu H, phường M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

3.9 **Công ty TNHH L6**; địa chỉ trụ sở: số A, đường H, phường M, tỉnh Quảng Ninh; người đại diện theo pháp luật: anh Nguyễn Tiến P, chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt

3.10 Bà **Nguyễn Thị L1**, nơi cư trú: số A, đường H, phường M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

3.11 Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1969; nơi cư trú: khu T, phường M, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: khu H, phường M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

3.12 Anh **Vũ Văn L2**, sinh năm 1991; nơi thường trú: thôn Y, phường H, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: số A, Nguyễn Viết X, khu D, phường M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

3.13 Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND thành phố M, tỉnh Quảng Ninh và UBND phường H, thành phố M: UBND phường M, tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ: đường H, khu H, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

4. Người kháng cáo: của nguyên đơn bà Ngô Minh T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tiến Đ.

5. Kháng nghị: Viện trưởng VKSND tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Ngô Minh T trình bày quan điểm: Bà Ngô Minh T, sinh năm 1970 và ông Nguyễn Tiến P1, sinh năm: 1957, đăng ký kết hôn ngày 24/11/1999. Bà T và ông P1 có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh A và Nguyễn

Thị Tú A1. Ngoài ra, ông P1 còn có 04 con riêng (con riêng của ông P1 và bà M, đã ly hôn) gồm: Nguyễn Tiến P, Nguyễn Tiến Đ, Nguyễn Thị Phương T5, Nguyễn Thị Phương T6. Ngày 25/11/2021, ông Nguyễn Tiến P1 chết không để lại di chúc. Trong quá trình chung sống trước và sau khi kết hôn bà T và ông P1 cùng nhau đóng góp, tạo lập được một khối tài sản chung có giá trị ước tính khoảng 16.602.875.000 đồng (mười sáu tỷ sáu trăm linh hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), cụ thể:

- 33 thửa đất ở (gồm 14 thửa đất ở, lô 01 và 19 thửa đất ở, lô 02), địa chỉ: khu K, thôn C, xã H, thị xã M (nay là khu H, phường M), tỉnh Quảng Ninh: thửa đất số (19,20,21,22), lô 01; (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ), quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số R 975153, sổ vào sổ cấp GCN: 94/QSDĐ do UBND thị xã M cấp ngày 25/5/2001 cho ông Nguyễn Tiến P1); thửa đất số (23,24,25), lô 01 (GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số P 077343, sổ vào sổ cấp GCN: 44/QSDĐ do UBND thị xã M cấp ngày 16/8/2000 cho ông Nguyễn Tiến P1); thửa đất số (26,27,28) lô 01; (GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số P 077284, sổ vào sổ cấp GCN: 43/QSDĐ do UBND thị xã M cấp ngày 16/8/2000 cho ông Nguyễn Tiến P1); thửa đất số (32,33,34,35), lô 01 (GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số R 875152, sổ vào sổ cấp GCN: 95/QSDĐ do UBND thị xã M cấp ngày 25/5/2001 cho ông Nguyễn Tiến P1); thửa đất số (19,20,21,22), lô 02 (GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số T 677640, sổ vào sổ cấp GCN: 82/QSDĐ do UBND thị xã M cấp ngày 28/01/2002 cho ông Nguyễn Tiến P1); thửa đất số (23,24,25,26,27,28), lô 02 (GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số R 975038, sổ vào sổ cấp GCN: 81/QSDĐ do UBND thị xã M cấp ngày 12/3/2001 cho ông Nguyễn Tiến P1); thửa đất số (29,30,31,32,33,34,35,37,38), lô 02 (GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số R 975046, sổ vào sổ cấp GCN: 83/QSDĐ do UBND thị xã M cấp ngày 12/3/2001 cho ông Nguyễn Tiến P1);

- Các thửa đất ở số (177,178, lô 01); địa chỉ: KTX K, phường K, thị xã M (nay là số nhà E, đường T, khu D, phường M), tỉnh Quảng Ninh (GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số T 877390, sổ vào sổ cấp GCN: 2449/QSDĐ do UBND thành phố M (nay là thành phố M) cấp ngày 22/01/2003 cho ông Nguyễn Tiến P1);

- Thửa đất có diện tích 199,5m², địa chỉ: tổ D, khu B, phường K, thị xã M (nay là tổ D, khu F, phường M), tỉnh Quảng Ninh (GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AD 104272, sổ vào sổ cấp GCN: H

00341/QSDĐ do UBND thị xã M, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 14/3/2005 cho ông Nguyễn Tiến P1);

- Thừa đất có diện tích 102,9m², địa chỉ thừa đất: tổ D, khu B, phường K, thị xã M (nay là tổ D, khu F, phường M), tỉnh Quảng Ninh (GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AC 987140, số vào sổ cấp GCN: H 00225/QSDĐ do UBND thị xã M, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 08/8/2005 cho ông Nguyễn Tiến P1).

- 06 thửa đất có địa chỉ tại: ấp N, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã P, thành phố Cần Thơ) gồm: thửa đất số 697 tờ bản đồ số 08 (GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 064940, số vào sổ cấp GCN: H00414 do UBND huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 25/01/2010 cho bà Ngô Minh T); thửa đất số 763 tờ bản đồ số 08 (GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 064946, số vào sổ cấp GCN: H00558 do UBND huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 25/01/2010 cho bà Ngô Minh T); thửa đất số 766 tờ bản đồ số 08 (GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 064944, số vào sổ cấp GCN: H00557 do UBND huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 25/01/2010 cho bà Ngô Minh T); thửa đất số 184 tờ bản đồ số 08 (GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 064942, số vào sổ cấp GCN: H00556 do UBND huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 25/01/2010 cho bà Ngô Minh T); thửa đất số 112 tờ bản đồ số 128 (GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 615229, số vào sổ cấp GCN: CS11176 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 20/11/2020 cho bà Ngô Minh T); thửa đất số: 111 tờ bản đồ số 128 (GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 756830, số vào sổ cấp GCN: CS11175 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 20/11/2020 cho bà Ngô Minh T).

Tại đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 01/4/2025 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện gồm những tài sản tại ấp N, xã P, thành phố Cần Thơ và sẽ yêu cầu giải quyết sau, còn những tài sản tại phường M và M, tỉnh Quảng Ninh yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Tiến Đ trình bày: bố tôi là ông Nguyễn Tiến P1 và mẹ tôi bà Đặng Thị M, bố mẹ tôi có 04 người con là Nguyễn Tiến P, Nguyễn Tiến Đ, Nguyễn Thị Phương T5, Nguyễn Thị Phương T6. Bà Ngô Minh T là vợ hai hợp pháp của bố tôi, ông Nguyễn Tiến P1 và bà T có 02 người con là Nguyễn Thị Minh A, Nguyễn Thị Tú A1. Ngoài ra, ông Nguyễn Tiến P1 còn có một người con riêng là Trần Thị T7, sinh năm nào tôi không nhớ (con của ông P1

với bà G, không có đăng ký kết hôn) nhưng đều được gia đình công nhận, hiện đang cư trú tại V nhưng không biết địa chỉ. Khi tôi hơn một tuổi bố mẹ đẻ tôi đã không chung sống cùng nhau và sau đó ly hôn, tôi sinh sống tại ngôi nhà số E từ khi còn rất nhỏ cùng với bố tôi và bà T. Anh Đ có quan điểm đồng ý với yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật, đối với các tài sản ở thành phố M (nay là phường M và phường M), tỉnh Quảng Ninh, anh Đ đề nghị được nhận toàn bộ tài sản nhà, đất và có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế. Đối với các tài sản tại ấp N, xã P, thành phố Cần Thơ anh Đ đề nghị chia hiện vật theo quy định của pháp luật. Ngoài ra anh Đ có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án chia tiền từ việc anh P, bà L1 (chị gái ông P1) cho thuê nhà xưởng, thuê đất trên 33 thửa đất tại phường H, thành phố M (nay là phường M), tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 03/9/2025 anh Nguyễn Tiến Đ có yêu cầu bổ sung tài sản chia thừa kế, cụ thể như sau: (1) đề nghị bổ sung thêm tài sản được yêu cầu chia thừa kế đối với ngôi nhà tại Singapore, ông Nguyễn Tiến P1 mua với giá 4.200.000 USD (*bốn triệu hai trăm nghìn USD*) được công chứng tại Phòng công chứng phường L (nay là Văn phòng C2 tại số G N, Hà Nội); (2) chia thừa kế bổ sung là tài sản, lợi nhuận, vốn góp tại Công ty TNHH L6 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHL6 có hai thành viên trở lên số: 21.02.000303, đăng ký lần đầu ngày 09/10/2002, địa chỉ trụ sở chính: số D, đường N, phường T, thị xã B, tỉnh Bắc Ninh; (3) đề nghị Tòa án tiếp tục chia thừa kế là các quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế đúng theo quy định pháp luật đối với 33 thửa đất lô 01, 02 khu khí tượng thôn C, xã H (nay là khu H, phường M), tỉnh Quảng Ninh và 04 thửa đất tại phường K, M (nay là phường M), tỉnh Quảng Ninh; (4) đối với các thửa đất tại địa chỉ ấp N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng trước đây nguyên đơn đã yêu cầu chia nhưng tại Tòa án đã rút yêu cầu nhưng anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế luôn trong vụ án; (5) chia thừa kế toàn bộ số tiền 5.156.000.000 đồng (*năm tỷ một trăm năm mươi sáu triệu đồng*) tạm tính đến thời điểm ngày 01/9/2025 là tiền cho thuê kho xưởng, nhà và đất tại khu đất có địa chỉ số B, đường T, phường H, thành phố M nay là phường M, tỉnh Quảng Ninh từ năm 2019 đến nay; (6) đề nghị tuyên bà Nguyễn Thị L3 trả 30.000.0000.000 đồng và Nguyễn Tiến P trả 38.000.000.000 đồng để thực hiện chia thừa kế cho 03 người con còn lại là Nguyễn Thị Phương T5, Nguyễn Thị Phương T6 và Nguyễn Tiến Đ theo di chúc của ông Nguyễn Tiến P1 ngày 25/11/2021. Đề nghị đưa bà Nguyễn Thị L3 và Nguyễn Thị L1 tham gia tố tụng vì là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; (7) đề nghị Tòa án đưa người con gái cả của ông Nguyễn Tiến P1 có tên là Trần Thị T7 (lấy họ theo họ của mẹ),

sinh năm 1981 hiện đang sinh sống tại Vương Quốc A2 vào tham gia tố tụng để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan; (8) đề nghị Toà án tiến hành các thủ tục định giá lại nhà số E, G phố T, phường M, tỉnh Quảng Ninh theo giá thị trường hiện tại và chia theo quy định của pháp luật; (9) đề nghị Toà án trong quá trình giải quyết vụ án thì chia tài sản bằng hiện vật, bằng quyền sử dụng đất cho anh Đ; (10) đề nghị đưa chị Nguyễn Thị Minh A, Nguyễn Thị Tú A1 cùng sinh năm 1996 ra khỏi quá trình giải quyết vụ án vì hai người này không phải là con của ông P1 theo như giấy khai sinh của hai người này; (11) đề nghị thuế cơ sở 2 - tỉnh Quảng Ninh, thuế cơ sở 4 - thành phố Hà Nội theo dõi để thu thuế trong các hợp đồng cho thuê trong bản án giải quyết; (12) đề nghị Công ty TNHH L6, Công ty TNHH L6, Công ty TNHH L6, anh Phùng Đức T8, chị Nguyễn Ngân H1 phối hợp cùng các bên để cung cấp bằng chứng chứng cứ nhằm giúp thêm cho Tòa án có nhiều chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án; (13) đề nghị Công ty L6, Văn Phòng L7 và Đ, Luật sư Lê Đức T3, Luật sư Nguyễn Hồng H2, Luật sư Chu Văn T4, chị Nguyễn Ngân H1 căn cứ vào “yêu cầu bổ sung tài sản chia thừa kế, yêu cầu giữ lại các tài sản mà bản án tuyên để bồi thường” của chị H1 để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn anh Nguyễn Tiến Đ tại các phiên tòa liên quan; (14) yêu cầu giữ lại toàn bộ số tiền cùng số tài sản mà các anh chị Nguyễn Tiến P, Nguyễn Thị Phương T5, Nguyễn Thị Phương T6 được hưởng theo bản án để bồi thường trong vụ án “bao vây, cắt điện, dùng xe tải chặn cửa, đập phá hệ thống cửa ra vào của nhà số A, đường H và nhà số F T, xông vào trong hành hung chị Nguyễn Ngân H1 sau đó chiếm giữ bất hợp pháp 2 căn nhà này từ ngày 25/4/2022 đến ngày 15/10/2022 và lấy đi toàn bộ tiền, tài sản, đồ đạc, ô tô”.

Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Nguyễn Tiến Đ đề nghị Tòa án ủy thác cho Bộ N5 tìm kiếm công dân ở nước ngoài nếu có căn cứ đề nghị Tòa án chuyển thẩm quyền cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, 33 thửa đất ở phường H, thành phố M (nay là phường M), tỉnh Quảng Ninh trong 07 GCNQSDĐ mà bà T yêu cầu chia thừa kế là tài sản của ông P1 và bà M có trước khi ông P1 kết hôn với bà T. Ông P1 và bà M đã thống nhất chia đều cho các con P, Đ, T5, T6 nên đây không phải là di sản thừa kế.

Đồng thời ngày 03/9/2025 chị Nguyễn Ngân H1 cũng gửi đơn yêu cầu bổ sung tài sản chia thừa kế, yêu cầu giữ lại các tài sản mà bản án tuyên để bồi thường đề ngày 03/9/2025 có các nội dung: trùng với các yêu cầu của anh Nguyễn Tiến Đ gồm: (1), (2), (4), (5), (7) và đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh bổ sung giải quyết các yêu cầu theo đơn của anh Đ đề ngày

28/8/2025.

Bị đơn anh Nguyễn Tiến P không trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn anh Nguyễn Tiến P là ông Vũ Văn N có quan điểm: các bên đều xác định ông P1 có người con tên Trần Thị T7 (tên thường gọi Thu B) như anh Đ trình bày, đề nghị Tòa án xác minh những người thân trong gia đình để xác định đúng hàng thừa kế, nếu có căn cứ chứng minh chị T7 đang ở V thì đề nghị chuyển thẩm quyền đến Tòa án tỉnh giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Phương T5 trình bày: nhất trí với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Tiến P là ông Vũ Văn N.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Phương T6 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm đối với việc giải quyết vụ án.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Minh A, Nguyễn Thị Tú A1 có quan điểm đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Minh T.

Chị Ngô Thị C trình bày: vợ chồng chị ký hợp đồng thuê 04 thửa đất số 19,20,21,22, lô 01 với giá 30.000.000 đồng/tháng (chiều rộng tám mét đường 20m) khi ký hợp đồng với anh Đ nhưng sau đó Công ty TNHH L6 là người thu tiền từ kỳ thanh toán thứ 2, sau đó chị có cho chị Vũ Thị N1 và chị Lê Thị H4 thuê lại mỗi chị thuê 4m mặt tiền để mở cửa hàng bán rau, hải sản, còn 12m mặt tiền chị mở cửa hàng T15. Toàn bộ tài sản trên đất để mở cửa hàng của ai là do người đó tự đầu tư, vợ chồng chị đầu tư vào cửa hàng T15 gồm hệ thống khung thép lợp tôn, cửa cuốn...tổng giá trị là khoảng 300.000.000 đồng. Trong hợp đồng thuê có thỏa thuận hết thời hạn hợp đồng nếu bên cho thuê không cho thuê tiếp thì sẽ phải mua lại tài sản hình thành trên đất sau khi trừ khấu hao. Tuy nhiên, đến nay chị C không có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết đối với tài sản trên đất và có quan điểm đề nghị được tiếp tục thuê đất theo hợp đồng đã ký kết, nếu Tòa án xử chia di sản thừa kế cho bên nào được sở hữu thì chị đề nghị tiếp tục được thuê lại. Đối với phần cầu thang ngoài trời bằng khung thép gá vào tường thửa đất số 18 của chị T9 là do chị đồng ý cho chị T9 lắp làm cầu thang thoát hiểm và hai bên không có tranh chấp, nếu sau này Tòa án chia thừa kế giao phần đất chị đã thuê cho ai được hưởng thì chị có trách nhiệm yêu cầu chị T9 tháo dỡ theo quy định.

Chị Vũ Thị N1 trình bày: chị không trực tiếp ký hợp đồng thuê đất với bà

T hay một trong các hàng thừa kế của ông P1 mà thuê lại 4m mặt đường của chị C với giá 6.000.000 đồng/tháng để bán rau và trả trực tiếp cho vợ chồng chị C. Tài sản trên đất chị chỉ bán khung thép lợp tôn, trong đó có 01 mặt là mượn tường của quán hát karaoke (thửa đất số 18), một mặt là khung kẽm bung tôn chung với cửa hàng H7 và lợp tôn. Tổng giá trị tài sản chị N1 làm năm 2021 là 90.000.000 đồng, chị đề nghị Tòa án định giá theo giá nhà nước quy định.

Chị Vũ Thùy D1 trình bày: chị ký hợp đồng thuê đất với anh Nguyễn Tiến Đ 04 thửa đất ở số 32,33,34,35, lô A, khu khí tượng cũ (nay là khu H, phường M) với giá 18.000.000 đồng/tháng thanh toán 03 tháng/lần thời hạn 05 năm, từ ngày 12/7/2021. Trước đó các thửa đất trên do anh Vũ Quang T10 thuê của anh Đại từ năm 2018 mục đích thuê để mở xưởng chăm sóc xe hơi nhưng sau đó anh T10 đã chuyển nhượng cơ sở vật chất cho chị D1 tiếp tục kinh doanh từ năm 2021 với giá 1.000.000.000 đồng và chị D1 tiếp tục ký hợp đồng thuê đất với anh Đ và sau này là ký với Công ty TNHH L6. Tuy nhiên, đến nay chị D1 vẫn có nguyện vọng được tiếp tục thuê đất để làm ăn, do đó chị D1 không yêu cầu định giá tài sản và không yêu cầu giải quyết đối với hợp đồng thuê đất đã ký kết. Nếu sau này Tòa án chia thừa kế giao phần đất chị đã thuê cho ai được hưởng thì chị đề nghị tiếp tục được thuê lại của người được chia thừa kế hoặc giải quyết bằng vụ án khác nếu phát sinh tranh chấp.

Công ty B2 có quan điểm: công ty ký hợp đồng thuê nhà với anh Nguyễn Tiến Đ thời hạn thuê từ ngày 16/4/2020 đến ngày 15/4/2023, Công ty thuê ngôi nhà cấp 4 nằm trên các thửa đất số 19,20,21,22, lô 01 để làm kho chứa hàng và không xây dựng, coi nói gì thêm. Phía đại diện Công ty không có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết liên quan đến hợp đồng thuê nhà đã ký với anh Đ.

Công ty cổ phần N4 có quan điểm: Công ty N4 ký hợp đồng thuê 09 thửa đất ở số B, lô 02 khu khí tượng cũ (nay là khu H, phường M) làm cơ sở kinh doanh nội thất thời hạn thuê 05 năm kể từ ngày 15/9/2021. Đồng thời Công ty có thuê 01 nhà tạm mái tôn nằm trên thửa đất ở số B, lô 01 để làm cửa hàng trưng bày sản phẩm. Đối với các tài sản trên 09 thửa đất ở, lô 02 Công ty chỉ sửa chữa khu nhà ở 02 tầng đã có sẵn để ở và lợp tôn mới để làm xưởng nội thất, còn nhà cấp 4 nằm trên thửa đất ở số B, lô 01 thì phía Công ty N4 sửa chữa gần như xây mới vào cuối năm 2021, tổng số tiền khoảng 1.500.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn S có quan điểm trình bày: ông thuê nhà xưởng đã có sẵn của Công ty TNHH L6 để làm xưởng sắt và không đầu tư bất cứ tài sản gì. Ông S không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nếu phát sinh tranh chấp thì ông S sẽ tranh chấp với Công ty TNHH L6, không có ý kiến gì thêm.

Anh Vũ Văn L2 trình bày: anh L2 ký hợp đồng thuê nhà xưởng với anh Nguyễn Tiến P từ ngày 22/10/2024 thời hạn 02 năm đối với các thửa đất trước đây ở lô 02 do Công ty N4 thuê khi hết hợp đồng, anh L2 không tôn tạo gì lớn mà chỉ nâng nền bê tông sửa chữa một chút để làm chỗ sửa chữa xe nhưng giá trị không lớn và không có yêu cầu hoàn trả lại tiền sửa chữa nền bê tông.

Bà Nguyễn Thị H3 trình bày: bà H3 là em gái của ông Nguyễn Tiến P1, trước đây bà H3 có được ông P1 giao cho giữ giữ 10 GCNQSDĐ bản gốc đối với các thửa đất là đối tượng chia thừa kế trong vụ án, bà H3 đã cất 10 GCNQSDĐ trên ở số nhà E đường T là nhà trước đây bố mẹ bà ở nhưng hiện đã bị mất, lý do sau khi ông P1 mất thì các con ông P1 có xảy ra tranh chấp về tài sản nên giấy tờ trong nhà bị giành giật và ai là người lấy các GCNQSDĐ trên thì bà H3 không biết.

Đại diện theo ủy quyền của UBND phường H, UBND thành phố M (nay người kế thừa quyền lợi nghĩa vụ là UBND phường M) trình bày: giữ nguyên quan điểm tại Công văn số: 3373/UBND-VP ngày 25/10/2024 của UBND thành phố M thể hiện: tổng số 33 thửa đất (trong đó: 14 thửa đất, lô 01; 19 thửa đất, lô 02), được cấp trong 07 (bảy) GCNQSDĐ mang tên ông Nguyễn Tiến P1 (tại khu H, phường M), hiện các lô đất này chưa chuyển nhượng cho ai. Vị trí 33 thửa đất này được thể hiện tại Sơ đồ quy hoạch bổ sung điểm dân cư tự xây Khu khí tượng cũ xã H, thị xã M năm 2000 (tỷ lệ 1/500).

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ đối với các thửa đất đang tranh chấp:

Tại sơ đồ đo vẽ hiện trạng ngày 22/10/2024 của Tòa án thể hiện: thửa đất số (177,178, lô 01) được cấp GCNQSDĐ số T 877390, sổ vào sổ cấp GCN: 2449/QSDĐ do UBND thành phố M, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 22/01/2003 có dUBND thiện tích 135,0m²; thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00 được cấp GCNQSDĐ số AD 104272, sổ vào sổ cấp GCN: H00341/QSDĐ do UBND thị xã M, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 14/3/2005 có diện tích 199,5m²; thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00 được cấp GCNQSDĐ số AC 987140, sổ vào sổ cấp GCN: H00225/QSDĐ do UBND thị xã M, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 08/8/2005 có diện tích 102,9m², các thửa đất phù hợp GCNQSDĐ đã cấp.

Tại sơ đồ đo vẽ hiện trạng ngày 22/10/2024 của Tòa án thể hiện: các thửa đất số (19,20,21,22, lô 02) được cấp GCNQSDĐ số T677640, sổ vào sổ cấp GCN: 82/QSDĐ do UBND thị xã M cấp ngày 28/01/2002 có diện tích 400,0m²; thửa đất số (23,24,25, lô 01) được cấp GCNQSDĐ số P 077343, sổ vào sổ cấp GCN: 44/QSDĐ do UBND thị xã M cấp ngày 16/8/2000 có diện tích 300,0m²; thửa đất số (28,27,26, lô 01) được cấp GCNQSDĐ số P 077284, sổ vào sổ cấp GCN: 43/QSDĐ do UBND thị xã M cấp ngày 16/8/2000 được cấp 300,0m²;

thửa đất số (32,33,34,35, lô 01) được cấp GCNQSDĐ số R 875152, sổ vào sổ cấp GCN: 95/QSDĐ do UBND thị xã M cấp ngày 25/5/2001 có diện tích 400,0m²; thửa đất số (19,20,21,22, lô 01) được cấp GCNQSDĐ số R 975153, sổ vào sổ cấp GCN: 94/QSDĐ do UBND thị xã M cấp ngày 25/5/2001 có diện tích 400,0m²; thửa đất số (23,24,25,26,27,28, lô 02) được cấp GCNQSDĐ số R 975038, sổ vào sổ cấp GCN: 81/QSDĐ do UBND thị xã M cấp ngày 12/3/2001 có diện tích 600,0m²; thửa đất số (29,30,31,32,33,34,35,37,38, lô 02) được cấp GCNQSDĐ số R 975046, sổ vào sổ cấp GCN: 83/QSDĐ do UBND thị xã M cấp ngày 12/3/2001 có diện tích 889,5m². Các thửa đất phù hợp với GCNQSDĐ đã cấp; tuy nhiên, diện tích thực tế các con ông Nguyễn Tiến P1 đang quản lý, sử dụng là 6989,9m² đất ở (tăng khoảng 3720,4m² đất ở so với diện tích đất ở được cấp theo GCNQSDĐ cũng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn). Nguyên nhân tăng được xác định tại bản án số: 15/2008/HSST ngày 28/02/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái xét xử Vũ Đình I (cđp) về tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” xác định phần diện tích do các bị cáo lập hồ sơ không nên cấp sai trong vụ án đối với 14 ô đất lô 03 có diện tích 3.242m² nhằm hợp thức hóa cho Công ty TNHH L6 để hưởng lợi từ ông P1. Các đương sự đều không có ý kiến gì về kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng đất, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại sơ đồ đo vẽ hiện trạng ngày 06/01/2025 của Tòa án thể hiện: các thửa đất số 697, tờ bản đồ số 08 được cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 064940, sổ vào sổ cấp GCN: H00414 do UBND huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 25/01/2010 có diện tích 287m²; thửa đất số 763, tờ bản đồ số 08 được cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 064946, sổ vào sổ cấp GCN: H00558 do UBND huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 25/01/2010 có diện tích 1.620m²; thửa đất số 766, tờ bản đồ số 08 được cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 064944, sổ vào sổ cấp GCN: H00557 do UBND huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 25/01/2010 có diện tích 1.620m²; thửa đất số 184, tờ bản đồ số 08 được cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 064942, sổ vào sổ cấp GCN: H00556 do UBND huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 25/01/2010 có diện tích 3.103m² (đất ở 300m²; đất trồng cây lâu năm 2.803m²); thửa đất số 112, tờ bản đồ số 128 được cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 615229, sổ vào sổ cấp GCN: CS 11176 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 20/11/2020 có diện tích 3.195m² (đất ở tại đô thị 300m²; đất trồng cây lâu năm 2.895m²); thửa đất số 111, tờ bản đồ số 128 được cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn

liền với đất số CX 756830, sổ vào sổ cấp GCN: CS11175 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 20/11/2020 có diện tích 21.509m²

Các đương sự đều không có ý kiến gì về kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng đất ở, đất trồng cây lâu năm, thửa đã được xây tường rào. Tại công văn số 373/UBND-VP ngày 24/3/2025 của UBND huyện T, tỉnh Sóc Trăng trả lời: nguyên nhân các thửa đất tăng, giảm so với diện tích cấp GCNQSDĐ do sai số giữa 02 lần đo đạc vì trước đây đo đạc bằng thủ công (thước dây). Đối với phần diện tích bà Ngô Minh T xây dựng tường rào bao quanh đất, đến thời điểm này địa phương chưa có báo cáo, đề xuất. Đối với các thửa đất nông nghiệp không thể hiện bờ do chủ sử dụng đất phá hiện trạng, lối đi các chủ sử dụng đất tự thỏa thuận thống nhất. Hiện trạng diện tích đất của bà Ngô Minh T chưa được công nhận là đất trồng cây ăn trái.

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 22/10/2024, Hội đồng định giá kết luận về giá trị tài sản mà đương sự đề nghị chia thừa kế như sau:

- 14 thửa đất ở thuộc lô 01 (gồm các thửa đất ở từ số 19 đến 28 và 32 đến 35) tại khu H, phường M 1 có giá là 15.000.000 đồng/m², các công trình trên thửa đất số 19 được xây dựng năm 2021 giá trị còn lại là 74.291.503 đồng; một phần thửa đất số 19 và một phần thửa đất số 20 được xây dựng năm 2021 giá trị còn lại là 184.394.188 đồng; ô đất số 21,22 và một phần trên ô đất số 20 và thửa đất số 20,21,22, lô 02 được xây dựng năm 2021 giá trị còn lại là 177.391.725 đồng; thửa đất ở số 23,24,25 được xây dựng năm 2002 giá trị còn lại là 0 đồng; thửa đất ở số 28 và một phần thửa đất ở số 27 được xây dựng năm 2022 giá trị còn lại là 614.554.836 đồng; thửa đất số 32,33,34,35 được xây dựng năm 2018 giá trị còn lại là 919.704.057 đồng.

- 19 thửa đất ở thuộc lô 02 (gồm các ô đất ở từ số A đến 35,37,38) tại khu H, phường H, thành phố M (nay là khu H, phường M), tỉnh Quảng Ninh có giá là 8.400.000 đồng/m², các công trình trên thửa đất số 23,24,25,26,29,30,31,32,33,34,35,37,38 được xây dựng năm 2005 giá trị còn lại là 0 đồng.

- 02 thửa đất ở thuộc khu D, phường K, thành phố M (nay là khu D, phường M), tỉnh Quảng Ninh có giá là 9.600.000 đồng/m², các công trình trên thửa đất số 177,178 được xây dựng năm 1994 giá trị còn lại là 0 đồng.

- 02 thửa đất ở thuộc khu F, phường K, thành phố M (nay là khu F, phường M), tỉnh Quảng Ninh có giá là 4.800.000 đồng/m², các công trình trên đất được xây dựng năm 2002 giá trị còn lại 0 đồng. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có ý kiến cũng như mong muốn được tiếp tục thuê đất để làm ăn, đối với hợp đồng thuê đất cũng như tài sản trên đất sau này trên phần đất

của ai được hưởng có các tài sản trên sẽ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 11/9/2025 của TAND khu vực 6 - Quảng Ninh tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Minh T đối với yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế: các thửa đất số 697, tờ bản đồ 08, GCNQSDĐ số BB 064940, sổ vào sổ cấp GCN: H00414; thửa đất số 763, tờ bản đồ 08, GCNQSDĐ số BB 064946, sổ vào sổ cấp GCN: H00558; thửa đất số 766, tờ bản đồ số 08, GCNQSDĐ số BB 064944, sổ vào sổ cấp GCN: H00557; thửa đất số 184, tờ bản đồ số 08, GCNQSDĐ số BB 064942, sổ vào sổ cấp GCN: H00556, do UBND huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 25/01/2010 cho bà Ngô Minh T; địa chỉ các thửa đất: tại ấp N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp N, xã P, thành phố Cần Thơ). Các thửa đất số 112, tờ bản đồ số 128, GCNQSDĐ số CX 615229, sổ vào sổ cấp GCN: CS 11176; thửa đất số 111, tờ bản đồ số 128, GCNQSDĐ số CX 615229, sổ vào sổ cấp GCN: CS11175, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 20/11/2020 cho bà Ngô Minh T; địa chỉ các thửa đất: tại ấp N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp N, xã P, thành phố Cần Thơ). Các đương sự được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Minh T về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

3. Xác định tài sản chung, di sản thừa kế của ông Nguyễn Tiến P1 là:

+ Căn nhà 03 tầng 01 tum, diện tích xây dựng một tầng là 135,0m² trên 02 thửa đất 177,178, lô 01 gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích đất 135,0m² đất ở; thuộc thửa đất số 00; tờ bản đồ số 00; địa chỉ: KTX K, phường K, thị xã M (nay là phường M), tỉnh Quảng Ninh; GCNQSDĐ số T 877390 do UBND thị xã M, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 22/01/2003, sổ vào sổ cấp GCN: 2449/QSDĐ mang tên người sử dụng đất ông Nguyễn Tiến P1.

+ 01 thửa đất diện tích 199,5m² đất ở; thuộc thửa đất số 00; tờ bản đồ số 00; địa chỉ: tại tổ D, khu B, phường K, thị xã M (nay là khu F, phường M), tỉnh Quảng Ninh; GCNQSDĐ số AD 104272 do UBND thị xã M, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 14/3/2005, sổ vào sổ cấp GCN: H00341/QSDĐ mang tên người sử dụng đất ông Nguyễn Tiến P1.

+ 01 thửa đất diện tích 102,9m² đất ở; thuộc thửa đất số 00; tờ bản đồ số 00; địa chỉ: tại tổ D, khu B, phường K, thị xã M (nay là khu F, phường M), tỉnh Quảng Ninh; GCNQSDĐ số AC 987140 do UBND thị xã M, tỉnh Quảng Ninh

cấp ngày 08/8/2005, số vào sổ cấp GCN: H00225/QSDD mang tên người sử dụng đất ông Nguyễn Tiến P1.

4. Chia tài sản chung, di sản thừa kế như sau:

4.1. Giao cho bà Ngô Minh T được quyền sử dụng các thửa đất số 177,178, diện tích 135,0m² đất ở, được giới hạn bởi các điểm (1,2,3,4,5,6,1) và sở hữu 01 căn nhà 03 tầng 01 tum tường xây gạch chỉ, xây dựng trên thửa đất 177 và 178, diện tích xây dựng một tầng là 135,0m², thuộc thửa đất số 00; tờ bản đồ số 00; địa chỉ: khu D, phường K, thành M (nay là khu D, phường M), tỉnh Quảng Ninh. Tổng trị giá tài sản chung, di sản thừa kế được chia là 1.296.000.000 đồng (*một tỷ hai trăm chín mươi sáu triệu đồng*).

4.2. Giao cho anh Nguyễn Tiến P được quyền sử dụng thửa đất diện tích 102,9m², được giới hạn bởi các điểm (1,2,3,4,1) và sở hữu nền bê tông, thuộc thửa đất số 00; tờ bản đồ số 00; địa chỉ: tại tổ D, khu B, phường K, thị xã M (nay là khu F, phường M), tỉnh Quảng Ninh. Tổng trị giá di sản thừa kế được chia là 493.920.000 đồng (*bốn trăm chín mươi ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*).

4.3. Giao cho anh Nguyễn Tiến Đ được quyền sử dụng thửa đất diện tích 199,5m², được giới hạn bởi các điểm (1,2,3,4,1) và sở hữu căn nhà cấp 4, 01 tầng tường xây gạch chỉ, nền bê tông, hàng rào lưới B40, thuộc thửa đất số 00; tờ bản đồ số 00; địa chỉ: tại tổ D, khu B, phường K, thị xã M (nay là khu F, phường M), tỉnh Quảng Ninh. Tổng trị giá di sản thừa kế được chia là 957.600.000 đồng (*chín trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng*).

4.4. Bà Ngô Minh T, anh Nguyễn Tiến P, anh Nguyễn Tiến Đ có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp đổi GCNQSDD, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được chia (nếu có) theo quy định pháp luật.

4.5. UBND phường M, tỉnh Quảng Ninh thực hiện nhiệm vụ công vụ căn cứ bản án, quyết định của Tòa án để cấp đổi GCNQSDD cho những người được chia quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật (khi có yêu cầu).

5. Về nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch trị giá di sản thừa kế:

Anh Nguyễn Tiến P có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch giá trị di sản thừa kế: cho chị Nguyễn Thị Phương T5 là 235.501.714 đồng (*hai trăm ba mươi lăm triệu năm trăm linh một nghìn bảy trăm mười bốn đồng*) và phải thanh toán cho bà Ngô Minh T là 22.916.572 đồng (*hai mươi hai triệu chín trăm mười sáu nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng*). Anh Nguyễn Tiến Đ có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch giá trị di sản thừa kế: cho chị Nguyễn Thị Phương T6, Nguyễn Thị Minh A, chị Nguyễn Thị Tú A1 mỗi người là 235.501.714 đồng

(hai trăm ba mươi lăm triệu năm trăm linh một nghìn bảy trăm mười bốn đồng) và phải thanh toán cho bà Ngô Minh T là 15.593.144 đồng (mười lăm triệu năm trăm chín mươi ba nghìn một trăm bốn mươi bốn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Ngô Minh T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

- Bị đơn anh Nguyễn Tiến Đ kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

- Quyết định kháng nghị số 2815/QĐ-VKS-DS ngày 26/9/2025 của Viện trưởng VKSND khu vực 6 kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm về tố tụng, thu thập tài liệu chứng cứ, nhận định, nội dung tuyên án, án phí, chi phí tố tụng. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: các đương sự giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và không thoả thuận được với nhau nội dung của vụ án.

Đại diện viện kiểm sát có quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: về tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, `chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận kháng nghị, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 6- Quảng Ninh để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Minh T, bị đơn anh Nguyễn Tiến Đ và Kháng nghị của Viện trưởng VKSND khu vực 6 được thực hiện trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung vụ án, nội dung kháng cáo, nội dung kháng nghị thấy:

[2.1] Về thời điểm mở thừa kế và thời hiệu chia thừa kế:

Căn cứ Giấy xác nhận việc thi hành án tử hình số 03/2021/GXN ngày 25/11/2021 của Hội đồng thi hành án tử hình Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đối với ông Nguyễn Tiến P1 có căn cứ xác định ông P1 chết ngày 25/11/2021. Do đó, theo quy định tại Điều 623 BLDS việc chia thừa kế vẫn còn thời hiệu.

[2.2] *Về xác định hàng thừa kế, người thừa kế:*

Bản án sơ thẩm xác định những người thừa kế theo pháp luật của ông P1 được xác định thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: bà Ngô Minh T, anh Nguyễn Tiến P, anh Nguyễn Tiến Đ, chị Nguyễn Thị Phương T5, chị Nguyễn Thị Phương T6, Nguyễn Thị Minh A, Nguyễn Thị Tú A1. Tuy nhiên HĐXX thấy cấp sơ thẩm còn có các vi phạm nghiêm trọng như sau:

Thứ nhất, đối với chị Nguyễn Thị Minh A và Nguyễn Thị Tú A1, sinh ngày 20/02/1996, trước khi ông Nguyễn Tiến P1 và bà Ngô Minh T đăng ký kết hôn (ngày 24/11/1999). Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Tiến Đại thừa N2 chị Minh A và chị Tú A1 là con chung của ông P1 và bà T nhưng sau đó khẳng định chị Minh A và chị Tú A1 không phải là con của ông P1. Trong hồ sơ vụ án không có Giấy khai sinh, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện quan hệ huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng hợp pháp giữa ông P1 với hai người này. Việc xác định tư cách người thừa kế khi chưa được chứng minh về quan hệ cha – con theo quy định của pháp luật là chưa đủ có căn cứ, vi phạm nguyên tắc thu thập, đánh giá chứng cứ quy định tại Điều 97 và Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự, làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc xác định đúng và đủ hàng thừa kế.

Thứ hai, tại Quyết định thi hành án tử hình đối với ông Nguyễn Tiến P1, trong đó chỉ ghi nhận thông tin về cha là ông Nguyễn Văn N3 (đã chết) và mẹ là bà Vũ Thị H5, nhưng không thể hiện bà Vũ Thị H5 còn sống hay đã chết. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ làm rõ bà H5 chết thời điểm nào để xác định chết trước hay sau ông P1 là chưa đảm bảo chứng cứ cho việc chia di sản thừa kế.

Thứ ba, tại Biên bản làm việc ngày 21/6/2024, anh Nguyễn Tiến Đ đã cung cấp cụ thể họ tên, ngày sinh và địa chỉ cư trú ở nước ngoài của chị Trần Thị T7 (Thu B), sinh ngày 22/01/1980, địa chỉ: D G, B, M, Vương quốc A. Đây là thông tin đủ căn cứ để Tòa án thực hiện việc xác minh, thu thập chứng cứ và triệu tập người liên quan... theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ ban hành văn bản yêu cầu anh Đ cung cấp tài liệu chứng minh chị Trần Thị T7 là con đẻ hoặc con nuôi của ông P1, mà không thực hiện việc xác minh địa chỉ, không áp dụng thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để làm rõ nhân thân, quan hệ huyết thống và ý kiến của người này. Việc không thực hiện xác minh trong khi đã có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài là chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm thu thập chứng cứ của Tòa án, dẫn đến nguy cơ bỏ sót người thừa kế.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định hàng thừa kế khi chưa làm rõ đầy đủ quan hệ huyết

thống, nhân thân của những người được coi là người thừa kế, đồng thời bỏ sót việc xác minh người có thể thuộc hàng thừa kế ở nước ngoài, cũng như chưa làm rõ hàng thừa kế của mẹ người để lại di sản. Đây là vi phạm thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[2.3] Về nguồn gốc các thửa đất đang có tranh chấp:

Nguyên đơn bà Ngô Minh T yêu cầu Tòa án xác định: 33 thửa đất có tổng diện tích 3.269,5 m² đất ở, địa chỉ tại khu H, phường H, thành phố M (nay là phường M), 02 thửa đất diện tích 302,4 m² đất ở tại khu F, phường K (nay là phường M) và 02 thửa đất số 177, 178 diện tích 135,0 m² đất ở, địa chỉ số E T, khu D, phường K (nay là phường M), trên đó năm 1994 vợ chồng ông Nguyễn Tiến P1 và bà Ngô Minh T xây dựng 01 ngôi nhà 03 tầng 01 tum, đều là tài sản chung của vợ chồng do được hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Bà T đề nghị Tòa án xác định $\frac{1}{2}$ giá trị khối tài sản là phần tài sản của bà trong tài sản chung vợ chồng, còn $\frac{1}{2}$ giá trị là phần tài sản của ông P1, được đưa vào khối di sản thừa kế để chia theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, các tài sản nêu trên đều được nhận chuyển nhượng, tạo lập trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp giữa ông P1 và bà T; hồ sơ vụ án chưa có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện các tài sản này thuộc trường hợp được tặng cho riêng, thừa kế riêng hoặc hình thành hoàn toàn từ tài sản riêng của ông P1. Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình, tài sản được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng, do đó phần quyền của ông P1 trong khối tài sản chung mới là di sản thừa kế, cần được xác định và đưa vào phạm vi giải quyết của vụ án.

Toà án cấp sơ thẩm xác định tài sản chung và di sản thừa kế ông P1 với bà T là: 02 thửa đất, diện tích 302,4 m² đất ở, địa chỉ: khu F, phường K, thành phố M (nay là khu F, phường M), tỉnh Quảng Ninh, giá trị 1.451.520.000 đồng, và 02 thửa đất số 177, 178, diện tích 135,0 m² đất ở, địa chỉ: số E T, khu D, phường K, thành phố M (nay là số E T, khu D, phường M), tỉnh Quảng Ninh, năm 1994 ông P1, bà T xây dựng 01 ngôi nhà 03 tầng 01 tum trên 02 thửa đất giá trị 1.296.000.000 đồng là có căn cứ.

Tuy nhiên đối với 33 thửa đất tại khu Khí tượng cũ, Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành xác minh đầy đủ tại cơ quan quản lý đất đai về tình trạng pháp lý hiện tại của từng thửa đất; chưa làm rõ có hay không việc thu hồi, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với từng thửa (nếu có thì căn cứ, phạm vi, thời điểm và hậu quả pháp lý); chưa đối chiếu, làm rõ các tài liệu phản ánh sai phạm trong quá trình lập hồ sơ cấp đất, chuyển nhượng và hậu quả pháp lý của các sai phạm đó để xác định phần quyền hợp pháp (nếu còn) của ông P1 tại thời

điểm mở thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng chưa có cơ sở xác định tính hợp pháp của quyền sử dụng đất đối với 33 thửa đất ở khu khí tượng là chưa đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Ngoài ra, phần quyết định của bản án không thể hiện chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc chia di sản thừa kế của ông P1 trong 33 thửa đất tại địa chỉ thôn C, phường H, thành phố M (nay là khu H, phường M, tỉnh Quảng Ninh) là chưa giải quyết đầy đủ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vi phạm Điều 5 và điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự, ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã có vi phạm thủ tục tố tụng trong việc xác định hàng thừa kế, phạm vi di sản chia thừa kế, thu thập và đánh giá chứng cứ. Những vi phạm này không thể khắc phục tại cấp phúc thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, trước phiên họp xem xét việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, bị đơn anh Nguyễn Tiến Đ nộp đơn yêu cầu ngày 13/7/2023 trong đó yêu cầu cụ thể các nội dung: 1. Tuyên vô hiệu các hợp đồng sau đây do vi phạm điều cấm của pháp luật: Hợp đồng thuê kho ngày 01/6/2019 giữa Công ty TNHH L6 với ông Nguyễn Văn S; Hợp đồng thuê nhà ngày 28/04/2020 giữa bà Nguyễn Thị L1 với bà Nguyễn Kiều T11; Hợp đồng thuê nhà ngày 01/9/2020 giữa Công ty TNHH L6 với bà Vũ Thị N1. 2. Tuyên buộc Công ty TNHH L6, bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Kiều T11, bà Vũ Thị N1 phải thanh toán khoản tiền thuê kho, thuê nhà phát sinh từ thời điểm thuê cho đến khi mở phiên toà sơ thẩm cho các đồng thừa kế. 3. Tuyên buộc ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Kiều T11, bà Vũ Thị N1 phải di dời tài sản thuộc quyền sở hữu của mình trên nhà đất thuê để hoàn trả lại tài sản cho các đồng thừa kế. 4. T12 buộc ông Bùi Văn B1 và bà Vũ Thùy D1; Công ty Cổ phần N4 và ông Nguyễn Văn T13 phải thanh toán tiền thuê cho các đồng thừa kế theo đúng thoả thuận tại hợp đồng thuê đã ký. Tuy nhiên toà án cấp sơ thẩm không xem xét đơn yêu cầu của anh Đ, không có văn bản yêu cầu sửa đổi bổ sung đơn yêu cầu hay trả lại đơn cho người yêu cầu. Xét yêu cầu của anh Đ là có căn cứ thụ lý giải quyết vì: Theo quy định tại khoản 1 Điều 581 BLDS thì người được lợi về tài sản mà không có căn cứ pháp luật và không ngay tình thì phải hoàn trả hoa lợi, lợi tức thu được từ thời điểm được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật. Đến thời điểm hiện tại 33 thửa đất trên vẫn do các đồng thừa kế của ông P1 quản lý, khai thác; các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 33 thửa đất đó hiện vẫn do những người này quản lý, chưa chuyển nhượng cho ai. Vì vậy, yêu cầu của anh Đ là có căn cứ xem xét để thụ lý giải quyết. Do đó, việc Toà án không thụ lý, giải quyết yêu cầu của anh Đ là vi phạm khoản 5 Điều 72 BLTTDS và khoản 1 Điều 581 BLDS, chưa đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các thửa đất tại ấp N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp N, xã P, thành phố Cần Thơ) đã được UBND huyện T và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Ngô Minh T. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù nguyên đơn bà Ngô Minh T đã rút yêu cầu khởi kiện đối với việc chia tài sản chung, chia di sản thừa kế liên quan đến các thửa đất trên và Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu này, tuy nhiên trong vụ án tranh chấp chia di sản thừa kế, phạm vi di sản không chỉ phụ thuộc vào ý chí riêng của nguyên đơn, mà còn liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của tất cả những người thừa kế. Bị đơn anh Nguyễn Tiến Đ là người thuộc hàng thừa kế của ông Nguyễn Tiến P1, có quyền yêu cầu Tòa án xác định phạm vi di sản thừa kế, trong đó bao gồm cả việc xem xét các tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người để lại di sản tại thời điểm mở thừa kế, không phụ thuộc vào việc tài sản hiện đang đứng tên ai hoặc việc một đồng thừa kế khác rút yêu cầu. Do đó, khi anh Đ có ý kiến, yêu cầu rõ ràng đề nghị Tòa án xem xét các thửa đất tại Sóc Trăng là di sản thừa kế, thì Tòa án phải có trách nhiệm xem xét yêu cầu này trong cùng vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ yêu cầu của anh Nguyễn Tiến Đ theo đúng hình thức tố tụng, không xem xét bản chất tranh chấp về phạm vi di sản thừa kế, và đình chỉ giải quyết đối với các thửa đất tại Sóc Trăng, đồng thời hướng các đương sự khởi kiện bằng vụ án khác, là chưa bảo đảm giải quyết vụ án một cách toàn diện, triệt để, dẫn đến nguy cơ phải giải quyết nhiều vụ án khác nhau về cùng một khối di sản, không phù hợp với nguyên tắc giải quyết tranh chấp về thừa kế.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn có những vi phạm về nội dung tuyên án, quyết định về án phí và chi phí tố tụng như nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Quảng Ninh.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã có nhiều vi phạm về tố tụng và nội dung, chưa đủ chứng cứ trong việc xác định đầy đủ hàng thừa kế, xác định phạm vi và nguồn gốc di sản, cũng như việc thu thập, đánh giá chứng cứ. Những vi phạm này không thể khắc phục tại cấp phúc thẩm, do đó cần chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Minh T, anh Nguyễn Tiến Đ và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh; hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 11/9/2025 để giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định pháp luật.

Các nội dung khác của vụ án được xem xét, giải quyết khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về án phí:

Bà Ngô Minh T và anh Nguyễn Tiến Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm của đương sự đã nộp tạm giữ để tiếp tục giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 313, khoản 3 Điều 148, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 2815/QĐ-VKS-DS ngày 26/9/2025 của VKSND khu vực 6 - Quảng Ninh và kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Minh T, bị đơn anh Nguyễn Tiến Đ.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 11/9/2025 của TAND khu vực 6 - Quảng Ninh về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế”; Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí:

- Bà Ngô Minh T và anh Nguyễn Tiến Đ không phải chịu án phí phúc thẩm.

Trả lại cho bà Ngô Minh T số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0001101 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Trả lại cho anh Nguyễn Tiến Đại S1 tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0001252 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

- Tạm giữ số tiền 62.301.000 đồng (*sáu mươi hai triệu ba trăm linh một nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007642, ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6), tỉnh Quảng Ninh để tiếp tục giải quyết vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND khu vực 6;
- THA, VP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Duy Ước

